

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,328.14	1.14	1.38	51.10
HNX	341.30	0.74	8.40	171.22
UPCOM	93.22	1.18	7.23	57.12
MSCI EM	1,272.67	0.52	-0.40	13.47
NIKKEI	27,789.29	0.54	1.85	21.44
HANG SENG	25,515.87	0.42	-1.71	0.37
KOSPI	3,144.19	0.33	-1.82	33.58
FTSE	7,148.01	0.32	1.65	19.86
S&P 500	4,509.37	0.88	2.60	28.54
NASDAQ	15,129.50	1.23	3.11	29.36

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.02	2.58	16.29
SET INDEX	20.03	1.77	7.58
JCI INDEX	NA	1.94	-7.33
PCOMP	22.76	1.66	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.84	0	-22	-87
10 năm	2.06	-1	-12	-82

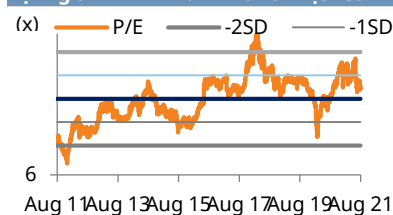
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,797	-0.07	0.66	1.62
US\$/KRW	1,167	0.20	-1.41	1.81
US\$/JPY	110	0.01	-0.10	-3.57
US\$/EUR	0.85	0.01	0.61	1.19
US\$/GBP	0.73	-0.01	1.01	-2.86
US\$/SGD	1.35	-0.01	0.62	1.05

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	879	946	623
HNX	133	158	89
UPCOM	74	71	39

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



30 Tháng Tám 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Tăng tốc đầu tuần

Sau phiên đảo chiều bất ngờ và tăng điểm vào thứ 6 tuần trước, tâm lý của nhà đầu tư tiếp tục diễn biến tích cực. Ngay khi mở cửa vào phiên sáng, thị trường đã mở cửa trong hưng phấn khi chỉ số đã tăng 10 điểm. Diễn biến tăng điểm mạnh được duy trì trong suốt phiên khiến thị trường có phiên tăng khá tốt trong hôm nay. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.328,1 điểm, tăng 14,9 điểm, tương ứng 1,1% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.392 tỷ đồng, HNX: 2.827 tỷ đồng, UPCOM: 1.794 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm hôm nay ghi nhận sự bứt phá mạnh của nhóm Mid và Penny, trong tổng số 334 mã tăng giá so với 63 mã giảm giá của sàn HOSE. Trong số đó, nhóm Thủy sản và Vật liệu Xây dựng dẫn đầu với mức tăng phổ biến từ 3%-7%. Các nhóm còn lại như Dầu khí, Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản cũng kết phiên trong sắc xanh, tuy nhiên không ấn tượng như 2 nhóm dẫn đầu.

Khối ngoại hôm nay bán ròng xấp xỉ 400 tỷ. Trong đó VNM và MSN bị bán mạnh nhất với mỗi mã gần 200 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm ở mức khá tốt khiến các điểm số kỹ thuật phục hồi. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức -2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,0x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (30/08/2021)	1.328,1	Kháng cự 1 1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.270

Xuất hiện phiên phục hồi nhanh và mạnh, VN-Index tiến về ngưỡng kháng cự gần nhất là 1.380.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (30/08/2021)	1.432,9	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.431	Hỗ trợ 1	1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1,8	Hỗ trợ 2	1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M tăng điểm theo cơ sở, tuy nhiên spread trong ngày rất thấp, dưới 15 điểm. Vì thế các điểm số kỹ thuật giao dịch vẫn chưa thật sự cải thiện nhiều.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.7	7,311,660	2	TRUNG TÍNH	5,253	13.1	1.1
ACB	32.15	11,095,960	-4	TIÊU CỰC	86,868	9.0	2.2
AGR	16.8	4,122,165	4	KHẢ QUAN	3,562	10.2	1.6
ASM	15.85	4,841,085	3	TRUNG TÍNH	4,103	10.1	0.9
BCG	17.8	5,577,775	3	TRUNG TÍNH	5,296	5.7	1.4
BID	39.45	2,177,120	-4	TIÊU CỰC	158,669	16.0	2.0
BSI	26.7	1,972,045	0	TRUNG TÍNH	3,380	12.4	2.0
BSR	18.2	14,295,485	-2	TRUNG TÍNH	56,429	#N/A N/A	1.8
BVH	55	964,565	2	TRUNG TÍNH	40,828	22.6	2.0
CII	18.25	3,050,675	0	TRUNG TÍNH	4,360	264.1	0.9
CTG	32.3	16,144,370	-2	TRUNG TÍNH	155,226	9.5	1.7
CTR	82.3	1,024,585	-4	TIÊU CỰC	7,648	27.4	7.2
CTS	29.75	2,324,340	0	TRUNG TÍNH	3,165	11.1	2.0
DBC	63.2	2,744,445	5	KHẢ QUAN	7,283	5.9	1.6
DCM	24.6	6,556,385	2	TRUNG TÍNH	13,023	21.0	1.9
DDV	21.2	4,446,605	5	KHẢ QUAN	3,098	108.7	2.5
DGC	115	1,207,120	5	KHẢ QUAN	19,674	19.6	4.4
DIG	33.7	14,518,230	0	TRUNG TÍNH	13,813	18.4	2.9
DPG	41.8	1,344,705	3	TRUNG TÍNH	2,633	8.5	2.2
DPM	36.35	7,090,065	0	TRUNG TÍNH	14,225	12.5	1.7
DRC	34.6	3,219,965	0	TRUNG TÍNH	4,110	12.1	2.4
DXG	22.25	6,749,745	-2	TRUNG TÍNH	11,532	14.0	1.4
FIT	18.6	12,728,400	-2	TRUNG TÍNH	4,738	34.3	1.5
FLC	10.4	15,980,230	-4	TIÊU CỰC	7,384	4.1	0.8
FPT	92.2	3,079,190	-4	TIÊU CỰC	83,669	21.8	5.0
FRT	41.4	2,880,305	-4	TIÊU CỰC	3,270	49.1	2.6
FTS	56.4	1,026,405	1	TRUNG TÍNH	8,323	15.7	3.2
GAS	87.5	1,170,090	-2	TRUNG TÍNH	167,471	21.5	3.6
GEX	23.7	9,775,735	-2	TRUNG TÍNH	18,514	12.6	1.5
GMD	51.8	4,617,530	5	KHẢ QUAN	15,611	38.2	2.5
GVR	37.6	6,426,280	4	KHẢ QUAN	150,400	31.9	3.1
HAH	59.7	2,332,795	3	TRUNG TÍNH	2,829	13.5	2.4
HBC	15.05	5,878,445	-2	TRUNG TÍNH	3,475	23.7	1.0
HCM	55.5	7,039,735	-2	TRUNG TÍNH	16,930	19.1	3.5
HDB	26.7	2,721,670	-4	TIÊU CỰC	53,192	10.1	2.0
HDC	65	932,680	0	TRUNG TÍNH	5,404	18.4	4.3
HDG	55.2	2,738,735	-4	TIÊU CỰC	9,032	12.7	2.6
HHV	22.1	6,249,345	7	KHẢ QUAN	5,909	37.9	0.9
HNG	7.21	7,412,840	0	TRUNG TÍNH	7,993	#N/A N/A	1.0
HPG	48.7	25,832,210	-4	TIÊU CỰC	217,831	8.7	3.0
HSG	39.7	11,394,270	2	TRUNG TÍNH	19,417	5.1	2.0
HT1	21.6	3,222,330	5	KHẢ QUAN	8,241	13.1	1.5
IDC	38.2	3,441,705	2	TRUNG TÍNH	11,460	22.6	3.0
IJC	27.35	7,752,060	-4	TIÊU CỰC	5,938	7.8	1.9
ITA	6.69	7,916,010	0	TRUNG TÍNH	6,277	31.8	0.6
KBC	40.15	12,654,860	5	KHẢ QUAN	18,861	22.4	1.8
KDC	59.9	2,161,395	-2	TRUNG TÍNH	13,702	26.7	2.3
KDH	39.5	3,757,560	-2	TRUNG TÍNH	24,612	20.1	2.8
KSB	31.95	2,983,665	5	KHẢ QUAN	2,342	9.4	1.4
LCG	16.85	5,979,930	5	KHẢ QUAN	1,942	5.3	1.1
LPB	23.3	10,541,685	-2	TRUNG TÍNH	28,044	10.5	1.8
MBB	28.4	17,583,296	-4	TIÊU CỰC	107,304	10.3	2.0

MBS	35.5	4,210,530	-2	TRUNG TÍNH	9,500	18.9	3.1
MSN	132.6	1,341,670	-2	TRUNG TÍNH	156,539	74.2	7.3
MWG	110.6	1,076,090	-2	TRUNG TÍNH	78,848	17.2	4.3
NDN	22	2,390,205	-4	TIÊU CỰC	1,576	4.4	1.7
NKG	38.2	8,664,855	5	KHẢ QUAN	8,343	5.6	1.8
NLG	43.5	3,603,830	0	TRUNG TÍNH	12,409	11.1	1.9
NTL	34.75	2,448,025	2	TRUNG TÍNH	2,119	6.9	1.8
NVB	29.1	1,966,185	-2	TRUNG TÍNH	11,838	141.9	2.7
NVL	104	2,893,490	-4	TIÊU CỰC	153,255	28.9	4.6
PAN	27.6	2,717,740	-4	TIÊU CỰC	5,891	26.6	1.6
PC1	34.6	2,722,540	5	KHẢ QUAN	6,615	14.3	1.6
PDR	85.5	3,375,210	-4	TIÊU CỰC	41,619	29.5	7.5
PET	27.55	4,024,255	5	KHẢ QUAN	2,477	13.0	1.5
PLX	49.55	1,623,575	-2	TRUNG TÍNH	61,631	16.0	2.6
POW	11.95	10,370,750	5	KHẢ QUAN	27,985	11.0	0.9
PVD	18.8	6,596,030	-2	TRUNG TÍNH	7,917	852.8	0.6
PVS	25.2	12,074,015	-2	TRUNG TÍNH	12,045	21.7	1.0
PVT	22	6,371,590	-2	TRUNG TÍNH	7,120	9.4	1.5
REE	65	1,212,440	4	KHẢ QUAN	20,088	11.2	1.6
ROS	4.93	10,672,655	-2	TRUNG TÍNH	2,798	15.2	0.5
SBS	15.6	5,099,490	0	TRUNG TÍNH	1,976	1,720.0	9.5
SBT	22.6	5,264,720	5	KHẢ QUAN	13,948	21.1	1.8
SCR	11	10,774,440	-2	TRUNG TÍNH	4,030	13.8	0.8
SHB	27.5	19,404,664	-4	TIÊU CỰC	52,953	14.2	2.0
SHS	40.2	7,905,830	0	TRUNG TÍNH	11,654	10.8	2.7
SMC	48.1	1,173,510	0	TRUNG TÍNH	2,930	3.1	1.3
SSI	62.4	16,034,605	-2	TRUNG TÍNH	40,867	22.1	3.6
STB	27.9	24,479,476	-2	TRUNG TÍNH	52,598	14.5	1.7
SZC	47.1	1,787,190	0	TRUNG TÍNH	4,710	18.9	3.5
TCB	49.2	17,425,936	-4	TIÊU CỰC	172,441	10.7	2.1
TCH	19	6,781,325	1	TRUNG TÍNH	7,584	8.7	1.2
TNG	31.1	3,935,685	2	TRUNG TÍNH	2,474	14.0	2.0
TPB	34.65	4,636,285	-6	TIÊU CỰC	37,133	8.3	1.8
VCB	99.3	1,453,230	0	TRUNG TÍNH	368,292	17.9	3.5
VCI	60.9	6,526,865	-2	TRUNG TÍNH	20,280	13.9	3.8
VGC	35.8	2,337,605	2	TRUNG TÍNH	16,051	17.1	2.5
VGt	20.5	6,028,080	3	TRUNG TÍNH	10,250	36.0	1.7
VHC	50	2,604,305	5	KHẢ QUAN	9,097	12.4	1.7
VHM	106.9	12,690,415	-4	TIÊU CỰC	358,063	10.7	3.7
VIB	36.45	1,647,025	-6	TIÊU CỰC	56,612	9.7	2.7
VIC	94.1	2,884,005	-4	TIÊU CỰC	358,071	55.7	4.0
VIX	28.7	5,162,035	0	TRUNG TÍNH	3,666	5.2	1.7
VJC	126.9	883,505	2	TRUNG TÍNH	68,730	437.3	4.0
VND	50.8	12,193,230	-4	TIÊU CỰC	21,709	10.1	2.2
VNM	87.4	3,466,510	-4	TIÊU CỰC	182,662	19.1	5.8
VOS	14.45	4,697,575	2	TRUNG TÍNH	2,023	13.2	2.8
VPB	61.6	9,762,970	-4	TIÊU CỰC	152,136	12.2	2.5
VRE	27.2	4,799,825	-2	TRUNG TÍNH	61,807	22.8	2.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Ngành dầu mỏ nước Mỹ ước thiệt hại nặng nề vì cơn bão mạnh nhất 170 năm

Cơn bão "quái vật" Ida đã đổ bộ vào New Orleans hôm 29/8 sau khi đi xuyên qua Vịnh Mexico gây gián đoạn lớn tới hoạt động sản xuất dầu của Mỹ. Hơn 95% cơ sở sản xuất dầu ở Vịnh Mexico đã phải đóng cửa, cơ quan chức trách địa phương cho biết hôm 29/8. Điều này đã tác động đáng kể đến nguồn cung năng lượng của nước Mỹ. Tối ngày 29/8, giá xăng tương lai tăng 2,5% so với chốt phiên 27/8 lên 2,33 USD/gallon. Giá dầu Mỹ cũng tăng 0,6% lên 69,3 USD/thùng vào cùng thời điểm. 6 nhà máy lọc dầu ở New Orleans, bao gồm PBF, Phillips, Shell, Marathon và hai cơ sở của Valero, vẫn đang đóng cửa, Andy Lipow, Chủ tịch công ty tư vấn Lipow Oil Associates, nói với CNN Business. "Hiện tại, mọi người đang chờ đợi để đánh giá thiệt hại do giông bão và nước lũ gây ra sau khi cơn bão đi qua khu vực này". Việc cơn bão Ida quét qua New Orleans là một trong những điều tồi tệ nhất có thể xảy ra với ngành công nghiệp dầu mỏ và có thể ảnh hưởng đến các đường ống dẫn nhiên liệu chính từ Duyên hải Vịnh Mexico của Mỹ tới Bờ Đông, theo ông Lipow. Bởi, 6 nhà máy lọc dầu đóng cửa này sản xuất khoảng 1,7 triệu thùng dầu mỗi ngày, chiếm 9% tổng sản lượng cả nước. 3 nhà máy lọc dầu khác ở cùng khu vực gồm Exxon, Placid và Kratz Springs dù không đóng cửa nhưng dường như cũng phải giảm công suất hoạt động. Ông Lipow cho hay 3 nhà máy này sản xuất khoảng 700.000 thùng dầu/ngày, chiếm gần 3,5% tổng tiêu thụ dầu hàng ngày của Mỹ.

CPI 8 tháng tăng gần 1,8%

Báo cáo kinh tế - xã hội 8 tháng vừa được Tổng cục Thống kê công bố cho thấy giá lương thực, thực phẩm tăng tại các địa phương giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,51% so với tháng 12/2020 và tăng 2,82% so với tháng 8/2020. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng, CPI tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Trong mức tăng 0,25% của CPI tháng 8 so với tháng trước có 4 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 4 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 3 nhóm giữ giá ổn định.

Việt Nam nhập siêu hơn 3,7 tỷ USD sau 8 tháng

Theo báo cáo vừa được Tổng cục Thống kê công bố, Việt Nam nhập siêu ước đạt 3,71 tỷ USD trong 8 tháng. Trong số đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 16,65 tỷ USD. Riêng tháng 8 nhập siêu 1,3 tỷ USD. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 8 ước đạt 26,2 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm gần 14%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm gần 2%. Tính chung 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 212,6 tỷ USD, tăng hơn 21% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 55,7 tỷ USD, tăng gần 11%, chiếm hơn 26% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 156,9 tỷ USD, tăng gần 26%, chiếm gần 74%.

VASEP: Nguy cơ gãy đổ chuỗi sản xuất, xuất khẩu thủy sản ngay trước mắt

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP) cho biết, theo kết quả khảo sát của VASEP, cho tới nay, tỷ lệ tiêm vaccine Covid-19 (mũi 1) của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản trung bình là 40-50%. Trong đó, Cà Mau là địa phương có tỷ lệ tiêm nhanh và cao nhất. Hiện nay đã có tới trên 50% nhà máy chế biến cá tra tại ĐBSCL và nhà máy chế biến thủy sản ở miền Đông Tp.HCM đóng cửa. 100% doanh nghiệp khảo sát cho rằng, "3 tại chỗ" chỉ là phương án cầm cự, tạm thời để doanh nghiệp duy trì sản xuất và nếu Chính phủ, các địa phương không có các biện pháp khôi phục khẩn cấp thì nguy cơ đổ vỡ toàn chuỗi sản xuất từ nuôi trồng - khai thác - chế biến - kinh doanh - xuất nhập khẩu đang hiện tiền trước mắt. Theo phản ánh của các doanh nghiệp chế biến tôm tại Cà Mau, Sóc Trăng và Bạc Liêu - ba địa phương dẫn đầu về sản lượng và sản xuất tôm của cả nước, hiện nay, diễn biến dịch bệnh Covid-19 phức tạp và các tỉnh đều thực hiện giãn

cách xã hội theo Chỉ thị 16 nên không chỉ việc lưu thông hàng hóa, mua bán con giống, thu hoạch tôm gặp khó khăn mà các nhà máy cũng đã phải giảm công suất chế biến 60-70%, thiếu hụt công nhân, chi phí tăng cao. Nhiều doanh nghiệp cho rằng, hiện nay, ngành tôm Việt Nam đã trở nên nhích so với cơ hội thị trường nhưng nếu các địa phương mau chóng có giải pháp kiểm soát dịch bệnh vào cuối tháng 8 để phục hồi sản xuất thì vẫn còn cơ hội, giá tôm tăng trở lại, nhưng muộn hơn thì coi như cơ hội năm nay trôi qua. Từ tháng 9 trở đi là thời điểm các nhà máy bước vào cao điểm thu mua nguyên liệu, chế biến và xuất khẩu nhưng với tình hình hiện tại thì chắc chắn nguồn cung tôm sẽ bị đảo lộn, thiếu hụt cho tới cuối năm, thậm chí kéo dài sang năm 2022. Còn với các doanh nghiệp chế biến cá tra tại ĐBSCL, từ cuối tháng 7/2021, dịch bệnh lan từ Tp.Hồ Chí Minh xuống các tỉnh miền Tây thì các doanh nghiệp ngành này hứng chịu đầu tiên, có tới 50% doanh nghiệp tại một số địa phương vùng trọng điểm phải đóng cửa, cá tra nuôi tại ao của công ty vượt size do các nhà máy ngừng hoạt động hoặc giảm tối đa công suất. Một số doanh nghiệp nuôi cá tra thời gian nuôi bị kéo dài, mật độ lớn khiến cá chết hàng chục tấn mỗi ngày. Hiện nay, ước tính, công suất hoạt động của toàn ngành cá tra chỉ từ 10 - 20%.

HAG: Lỗ lũy kế tại thời điểm 30/6 tăng hơn 1.000 tỷ so với đầu năm

Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HoSE: HAG) vừa công bố BCTC hợp nhất soát xét năm 2021, trong đó công ty đã điều chỉnh tăng giá vốn và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, kết quả lợi nhuận giảm từ mức 18 tỷ xuống còn hơn 8 tỷ đồng. Chi tiết, giá vốn trong kỳ được điều chỉnh tăng, liên quan đến phân bổ giá trị hợp lý của các tài sản trên khía cạnh hợp nhất. Ngược lại, chi phí quản lý được điều chỉnh giảm, nguyên nhân do giảm dự phòng các khoản phải thu sau khi thực hiện rà soát khả năng thu hồi. Theo đó, LNST nửa đầu năm điều chỉnh giảm gần 10 tỷ đồng. Dù vậy, con số trên so với cùng kỳ năm 2020 ghi nhận sự cải thiện mạnh, nửa đầu năm ngoái HAGL lỗ đến 1.397 tỷ đồng.

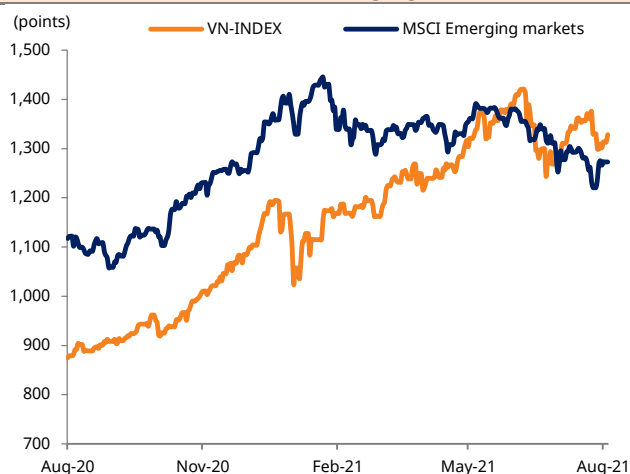
PVI: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 28,5%

PVI (HNX: PVI) sẽ chốt danh sách cổ đông chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 28,5% (2.850 đồng/cổ phiếu). Ngày đăng ký cuối cùng vào 8/9 và ngày giao dịch không hưởng quyền vào 7/9. Thời gian thanh toán 8/10. Như vậy với hơn 223,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, PVI sẽ chi khoảng gần 637 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này cho cổ đông.

HPG: bán toàn bộ cổ phần tại công ty nội thất, lãi 498 tỷ đồng

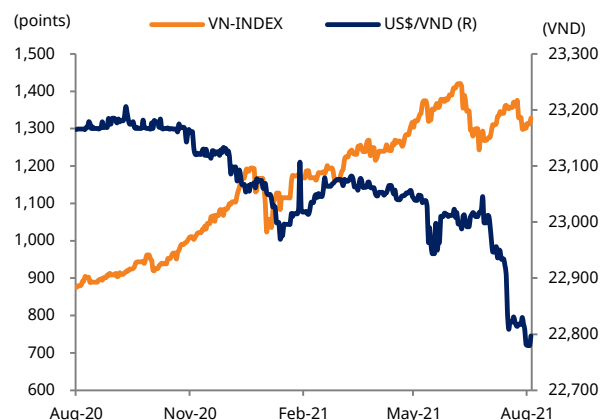
Theo báo cáo tài chính hợp nhất bán niên sau soát xét của Hòa Phát (HoSE: HPG), trong kỳ, tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Nội thất Hòa Phát, tương đương 99,6% cho CTCP Nội thất Eden Việt Nam. Giá trị chuyển nhượng 896,4 tỷ đồng, trong khi giá trị ghi sổ là 398 tỷ đồng, tức ghi nhận lãi 498 tỷ đồng. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, ông Trần Đình Long, Chủ tịch HĐQT có đề cập tới việc thoái vốn mảng nội thất - lĩnh vực làm nên tên tuổi cho Hòa Phát ngày hôm nay. Tuy nhiên, theo thời gian, ông Long chỉ ra ngành nội thất đang có 2 vấn đề. Thứ nhất là ngành cạnh tranh với kinh tế gia đình, "mình đi cạnh tranh với kinh tế gia đình không lại được". Thứ hai, công ty nội thất Hòa Phát có 2.000 nhân viên làm ra doanh thu 1.800 tỷ đồng và lợi nhuận được 200 tỷ đồng. Cùng quy mô đó, công ty ống thép Hòa Phát làm ra 20.000 tỷ đồng doanh thu, gấp 10 lần nội thất. Theo định hướng, Hòa Phát sẽ tập trung vào 4 mảng chính gồm gang thép, sản phẩm thép, nông nghiệp và bất động sản.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



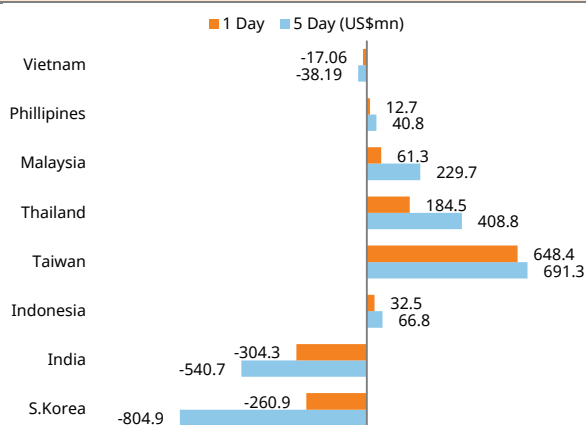
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



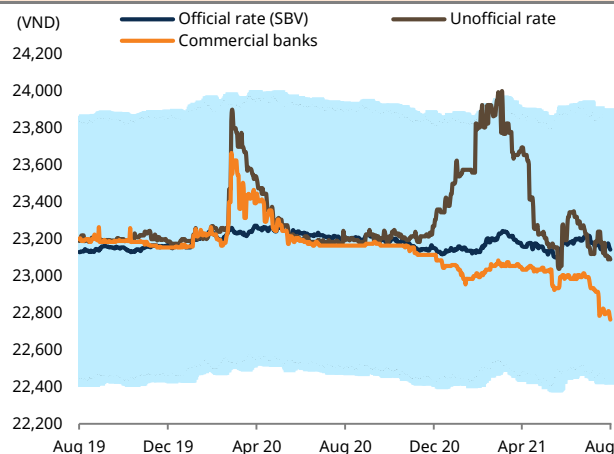
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



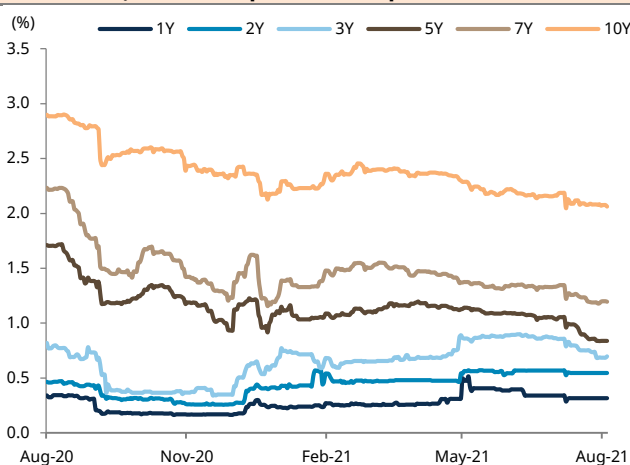
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



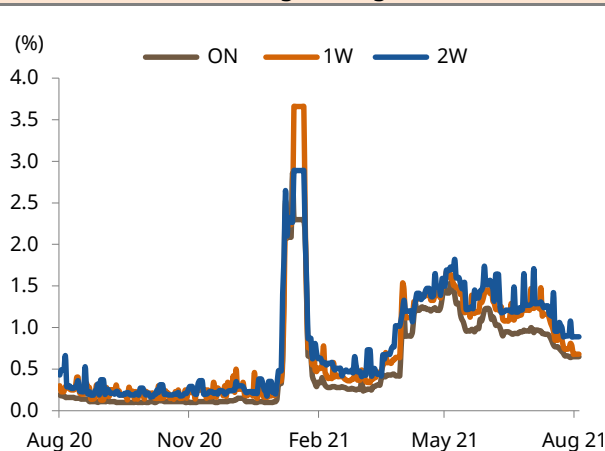
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,431.05	3,703,868		0.9	1.3	-1.1	74.1	13.4	11.6	2.6	2.1	38.2	16.2	22.6	20.6
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,150	86,868	30.0	1.3	0.5	-11.1	87.8	8.7	7.1	1.9	1.5	31.5	22.3	25.3	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,450	158,669	16.7	1.9	0.4	-4.0	-2.7	16.2	12.4	1.8	1.7	68.3	30.2	12.2	14.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,000	40,828	27.0	3.0	5.8	7.6	14.5	23.8	21.1	1.9	1.8	11.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,300	155,226	24.4	3.7	-1.2	-6.1	66.1	9.3	7.4	1.7	1.4	22.2	25.2	18.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	92,200	83,669	49.0	0.2	1.3	-1.9	112.5	20.8	17.7	4.4	4.0	23.9	17.7	23.9	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	87,500	167,471	2.5	0.6	2.0	-2.3	17.9	18.9	14.7	3.4	3.2	14.8	28.4	18.4	21.7
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,600	150,400	0.6	0.5	9.9	11.6	212.0	32.3	29.5	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	26,700	53,192	18.3	0.8	-0.7	-1.0	95.3	9.7	8.0	1.8	1.5	29.3	20.2	21.5	20.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,700	217,831	26.4	2.3	2.5	3.0	170.6	7.4	7.4	2.4	1.8	130.4	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,500	24,612	30.4	0.9	3.9	-2.9	77.3	22.6	16.1	2.6	2.2	-6.5	39.8	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,400	107,304	22.4	1.4	-0.7	-1.7	148.6	9.1	7.5	1.6	1.4	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	132,600	156,539	33.2	-2.4	4.4	-1.0	143.3	48.7	27.8	8.0	6.2	158.1	75.2	14.3	22.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	110,600	78,848	49.0	1.2	4.9	1.1	78.8	16.5	13.2	3.9	3.3	16.4	24.9	25.4	26.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,000	153,255	9.3	0.2	-0.9	0.0	126.5	35.6	25.7	4.4	4.1	-0.3	38.6	16.0	14.5
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	85,500	41,619	3.6	0.6	4.0	-7.6	283.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,550	61,631	17.7	0.1	2.2	-3.4	-5.3	17.9	15.1	2.5	2.5	303.1	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	86,400	19,644	49.0	0.7	-2.4	-9.8	42.1	18.3	14.5	3.4	2.9	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,950	27,985	3.0	0.4	13.3	11.7	18.3	13.3	10.6	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	147,200	94,397	62.5	-0.9	5.1	-7.4	-19.1	21.9	18.4	4.0	3.4	-5.7	19.0	21.2	21.8
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	62,400	40,867	47.0	2.0	-1.6	14.3	313.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,900	52,598	16.0	2.2	3.3	-6.7	145.8	19.1	13.9	NA	1.5	16.7	37.9	10.3	12.2
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,200	172,441	22.5	2.4	0.9	-3.7	127.8	10.3	8.5	1.9	1.6	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,650	37,133	30.0	1.9	2.5	-1.0	89.8	7.7	6.3	1.6	1.3	32.4	21.4	23.7	22.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,300	368,292	23.5	1.5	2.1	1.3	19.1	16.7	14.0	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	106,900	358,063	23.5	0.0	-0.3	-1.3	36.0	11.4	10.1	3.1	2.4	13.0	12.9	28.3	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	94,100	358,071	14.8	-0.7	-2.2	-1.2	17.8	59.9	58.6	4.0	3.7	4.5	2.3	7.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	126,900	68,730	18.0	0.1	5.5	12.3	26.1	169.2	25.9	3.7	3.1	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,400	182,662	54.9	0.5	1.6	1.5	-12.1	18.3	16.9	5.6	5.5	0.2	8.1	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,600	152,136	15.4	0.7	1.7	1.0	161.0	9.7	10.0	1.9	1.5	48.2	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,200	61,807	29.7	1.5	4.4	-1.6	0.0	25.7	18.9	2.0	1.8	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	14.94	4,951,751	1.1	2.3	1.4	51.1	15.1	12.5	2.5	2.2	38.0	20.9	20.0	19.3
Ô tô và phụ tùng	0.08	9,110	3.3	5.5	8.3	66.1	7.6	6.6	1.4	1.3	27.7	13.9	12.2	12.8
Ngân hàng	7.91	1,572,817	1.9	0.5	-2.9	61.9	12.5	10.1	2.0	1.8	38.5	22.3	19.3	19.1
Xây dựng cơ bản	0.92	194,740	1.8	5.8	13.1	88.7	8.0	6.7	1.7	0.5	12.9	24.8	7.7	8.2
Dịch vụ thương mại	0.01	5,239	0.9	4.6	12.4	34.6	8.0	6.2	NA	NA	10.8	39.0	9.7	12.7
May mặc và trang sức	0.16	43,421	1.4	0.9	0.6	115.8	13.1	10.7	2.4	2.1	22.4	24.6	15.7	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.04	8,487	1.4	1.9	6.7	37.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	0.79	111,206	2.7	2.3	22.9	286.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Năng lượng	0.11	80,205	0.5	1.1	-0.2	14.2	22.7	14.7	2.1	2.1	NA	43.2	13.9	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.44	533,008	-0.3	0.6	0.5	40.4	25.7	17.5	5.0	4.3	56.2	33.2	20.0	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.03	1,733	7.0	19.4	133.3	166.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,837	1.1	0.5	-3.4	0.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.42	50,331	3.2	5.6	8.4	21.4	20.3	17.4	1.7	1.5	16.6	12.8	7.8	7.4
Nguyên vật liệu	2.65	529,969	1.9	4.0	10.1	177.4	66.5	13.9	1.3	0.9	99.5	0.3	24.5	19.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,301	0.6	-0.1	-3.1	-27.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.56	40,277	0.7	5.2	14.8	25.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	0.68	1,179,258	5.5	12.3	14.8	31.1	10.1	8.8	1.6	1.5	3.9	14.8	8.8	9.1
Bán lẻ	0.21	88,266	0.3	0.5	0.3	59.6	46.3	24.8	2.9	6.4	13.5	NA	14.4	14.4
Phần mềm và dịch vụ	0.07	89,771	0.9	2.8	1.7	73.0	15.9	12.4	3.5	2.9	35.3	26.3	22.3	23.6
Thiết bị và phần cứng	0.00	7,541	0.3	0.5	-0.4	109.6	19.4	16.5	4.1	3.7	27.4	17.6	22.3	23.5
Dịch vụ viễn thông	0.03	1,510	0.0	0.4	14.7	256.9	17.2	13.9	4.9	3.8	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	0.42	186,333	6.8	6.3	12.7	297.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.53	257,973	0.8	2.7	10.3	52.5	72.5	13.5	20.9	1.7	NA	NA	-52.5	19.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	99,300	1.5	1,221,700	1.5
CTG VN	32,300	3.7	13,238,800	1.5
HPG VN	48,700	2.3	17,004,600	1.3
TCB VN	49,200	2.4	12,298,900	1.1
BID VN	39,450	1.9	1,410,200	0.8
LPB VN	23,300	6.9	6,599,100	0.5
MBB VN	28,400	1.4	15,842,100	0.4
BVH VN	55,000	3.0	1,461,400	0.3
STB VN	27,900	2.2	11,734,700	0.3
EIB VN	25,500	3.7	988,600	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	132,600	-2.4	2,696,800	-1.1
VIC VN	94,100	-0.7	1,414,900	-0.7
SAB VN	147,200	-0.9	117,800	-0.2
LGC VN	61,900	-1.7	600	-0.1
DPM VN	36,350	-1.2	7,393,800	0.0
HNG VN	7,210	-1.2	5,998,100	0.0
GEX VN	23,700	-0.4	9,478,800	0.0
VCF VN	243,900	-0.9	7,300	0.0
ABS VN	20,250	-3.1	797,500	0.0
AAA VN	17,700	-0.8	7,540,200	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.